***Tiết : Toán***

**Tiết 1: Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000 (T1) Bài 1-3**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- HS lập, viết được các số trong phạm vi 100 000; biết so sánh số, sắp xếp các số theo thứ tự và thứ tự các số trên tia số; biết làm tròn các số đến hàng chục nghìn.

- HS thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia (tính nhẩm và tính viết) trong phạm vi 100 000 (không nhớ và có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp); vận dụng giải bài toán thực tế, có lời văn.

- HS nhớ và nhận biết được các kí hiệu các số La Mã.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tìm hiểu về số và phép tính trong phạm vi 100 ở các ứng dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

* Bộ đồ dùng dạy, học Toán 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  - GV giới thiệu trọng tâm của bài học này là ôn tập một số kiến thức về số và phép tính đã học ở lớp 3:  - GV cho HS làm quen với bộ đồ dùng học Toán 4.  **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  *Trò chơi “****Ai nhanh, ai đúng****”*  - Hai bạn, mỗi bạn viết một số bất kì, chẳng hạn: 30 820 và 12 315.  - Thực hiện cộng, trừ hai số vừa viết.  - Nhân số vừa viết với 2, chia số vừa viết cho 2.  - GV cho HS làm bài cặp đôi, thảo luận thực hiện theo hướng dẫn của đề bài.  - GV mời 2-3 cặp làm bài trước lớp, cả lớp nhận xét.  - GV nhận xét, chữa bài.  + Bài 1 củng cố cho chúng ta KT gì?  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  a) Số ?    b) Làm tròn số 26 358 đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn.  c) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:  29 999, 90 000, 20 990, 29 909  - GV cho HS làm bài cá nhân, thực hiện theo yêu cầu của từng câu.  - GV yêu cầu HS đổi vở chấm chéo kiểm tra kết quả.  - GV nhận xét, chữa bài.  + Bài 2 củng cố cho chúng ta KT gì?  ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***  *Đặt tính rồi tính:*  27 369 + 34 425 90 714 – 61 533  15 273 3 36 472 : 4  - GV cho HS làm bài cá nhân  - GV yêu cầu HS nhắc lại tính cộng, trừ, nhân, chia (đặt tính rồi tính) trong phạm vi 100 000.  - GV lưu ý HS khi thực hiện từng dạng phép tính.  - GV cho lớp nhận xét, chữa bài.  + Bài 3 củng cố cho chúng ta KT gì?  **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  ***Hoàn thành BT***  *Chọn câu trả lời đúng.*  a) Số bé nhất trong các số 20 107, 19 482, 15 999, 18 700 là:  A. 20 107 B. 19 482 C. 15 999 D. 18 700  *b) Giá trị của biểu thức (35 – 5) : 6 + 2 bằng:*  A. 5 B. 6 C. 7 D. 8  - GV mời 2 HS chọn đáp án.  - GV chữa bài, chốt đáp án.  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước Bài 4,5,6,7 | - HS chú ý lắng nghe, nhớ lại các kiến thức đã học ở lớp 3.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  Ví dụ: 30 820 và 12 315  30 820 + 12 315 = 43 135  30 820 - 12 315 = 18 505  30 820 2 = 61 640  30 820 : 2 = 15 410  12 315 2 = 24 630  12 315 : 2 = 6 157 (dư 1)  - HS nêu YC bài hoàn thành bài cá nhân vào vở ghi., HS chữa bài miệng, lớp đổi vở chữa bài.  - Kết quả:  a) 26 450, 26 850  b) 26 358 làm tròn đến:  + Hàng chục: 26 360  + Hàng trăm: 26 400  + Hàng nghìn: 26 000  + Hàng chục nghìn: 30 000  c) 20 990, 29 909, 29 999, 90 000  - HS nêu yêu cầu bài, làm bài cá nhân, 4 HS lên bảng trình bày kết quả, lớp nhận xét, chữa bài.  - HS làm bài miệng  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm |